Write these words into English

1. đôi mắt
2. ví cầm tay
3. cái túi
4. ngôi nhà
5. áo đầm
6. con đường
7. cây đàn ghita
8. dưa hấu
9. áo khoác
10. quần đùi
11. đồng hồ đeo tay
12. tóc dài
13. bánh mì
14. mũ lưỡi trai
15. trò chơi điện tử
16. phòng khách
17. xúc xích
18. phòng học
19. cửa sổ
20. quả lê
21. con dê
22. con gà
23. con diều
24. ông
25. cái váy
26. kem
27. máy phát tin tức
28. cái cây
29. quả bóng
30. con ếch

LIVEWORKSHEETS